TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2022
V/v Chị N và anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chuyên.

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị N, sinh năm 1988.

- Bị đơn: anh Cao Văn T, sinh năm 1983.

Đều có địa chỉ tại: thôn H, xã Vũ N, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(chị Năm, anh Thiết đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng kí kết hôn từ năm 2004, do chị lúc đó chưa đủ tuổi, đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi. Sau khi cưới vợ chồng về nhà đẻ chị tại thôn H, xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình sinh sống, sau đó anh chị làm nhà trên đất của mẹ chị để ở, quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Nhưng sau đó thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do

hai bên bất đồng quan điểm, luôn cãi nhau và do anh T không chung thủy với chị. Năm 2016 chị đã làm đơn ra Tòa đề nghị giải quyết không công nhận giữa chị và anh T là vợ chồng nhưng sau đó được hai bên gia đình động viên nên chị lại rút đơn về đoàn tụ. Nhưng chỉ được một thời gian vợ chồng lại mâu thuẫn nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được chị quyết định làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận giữa chị và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Cao Hải N sinh ngày 14/10/2006 và Cao Đức G sinh ngày 15/12/2009, cả hai con đang ở với vợ chồng. Tòa án không công nhận hai người là vợ chồng thì chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con N và G và có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con G hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi khỏi bệnh. Vì con G mang bệnh tim bẩm sinh sức khỏe yếu nên thường xuyên phải uống thuốc trợ tim. Nếu anh Th không đồng ý cho chị nuôi hai con và không chấp nhận cấp dưỡng nuôi con G thì nay chị cũng nhất trí ý kiến anh T là: Để anh T nuôi con N còn chị nuôi con Giang hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nhưng phải cho chị thăm nom chăm sóc con N mà anh T không được cản trở.

Về tài chung của vợ chồng có nhưng đã tự thỏa thuận xong với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cao Văn T trình bày:

Anh nhất trí với ý kiến trình bày của chị N về quá trình chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh thừa nhận khi lấy nhau do chị N chưa đủ tuổi nên không thực hiện việc đăng ký kết hôn, kể cả sau này đã có con chung tài sản chung nhưng hai bên cũng không đến UBND xã Vũ Ninh đến làm thủ tục đăng ký kết hôn bổ sung. Nay chị N có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị N là vợ chồng anh hoàn toàn nhất trí vì tình cảm giữa hai bên không còn. Mặt khác anh là người có lỗi không mang lại hạnh phúc cho chị N.

Về con chung: Đúng như chị N khai mặc dù trước đó anh nhất trí để chị N nuôi hai con nhưng nay anh thay đổi anh yêu cầu được nuôi dưỡng con N còn con G để chị N nuôi như vậy mỗi người nuôi một con, không bên nào phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Con G có ốm thật song cháu chưa đến mức anh phải trợ cấp. Nên anh không nhất trí cấp dưỡng cho con G. Đề nghị Tòa án hòa giải và xem xét.

Về tài chung của vợ chồng: Đúng như chị N trình bày, vợ chồng có tài sản chung nhưng đã thỏa thuận xong nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Cao Văn T và chị Phạm Thị N có đơn xin xác nhận đề nghị Ủy ban nhân dân xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xác nhận về việc anh chị không đăng ký kết hôn tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Cao Văn Th. Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung là Cao Hải Nam, sinh ngày 14/10/2006 và Cao Đức Giang, sinh ngày 15/12/2009. Giao con Cao Đức G cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Cao Hải N cho anh Thiết trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau . Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự đều xác định đã tự thỏa thuận xong về tài sản, không yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị Phạm Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí dân s ự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phạm Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Cao Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Hòa Bình, xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị N, anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. [2] Về quan hệ tranh chấp: Chị N có đơn khởi kiện về việc ly hôn. Tuy nhiên hôn nhân của chị N và anh T không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên Tòa án cần xác định quan hệ "tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Các đương sự đều thống nhất trình bày hai bên đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, nhưng từ đó đến nay anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Ninh. Quá trình hai bên chung sống, hai bên xảy ra mâu thuẫn do sự khác biệt về tính cách, quan điểm sống và do anh Thiết không chung thủy. Việc anh chị không

đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị N xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn, Tòa án cũng không xem xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho ly hôn, mà trường hợp của anh chị chỉ căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị N và anh T là vợ chồng là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: chị N anh có 02 con chung là Cao Hải N, sinh ngày 14/10/2006 và Cao Đức G, sinh ngày 15/12/2009. Quá trình hòa giải ngoài Tòa án, anh chị đã thỏa thuận thống nhất được về việc: chị Năm trực tiếp nuôi dưỡng con Cao Đức G, anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Cao Hải N sau khi hai bên không còn cùng chung sống, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy thỏa thuận của anh chị tại quá trình hòa giải là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, đảm bảo được quyền, lợi ích của con chung nên cần được công nhận.

[5] Về tài sản chung: chị N và anh Th đều xác định đã tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: chị Phạm Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: chị Phạm Thị N và anh Cao Văn Th được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, 15, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thị N và anh Cao Văn Th là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: chị N, anh T có 02 con chung là Cao Hải N, sinh ngày 14/10/2006 và Cao Đức G, sinh ngày 15/12/2009.

Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con Cao Đức Gi, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Cao H ải N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi chị N, anh T có yêu cầu; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001546 ngày 21/01/2022 sang thi hành án phí, chị Năm đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị N, anh Th vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Phan Anh Tuấn